

Số: 04/2018/QĐ-UBND

Hà Giang, ngày 01 tháng 02 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường
trên địa bàn tỉnh Hà Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ Tài chính Hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông báo số 25/TB-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2018 của UBND tỉnh, về Kết luận phiên họp tháng 01 năm 2018 của UBND tỉnh;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 518/TTr-STC ngày 28 tháng 12 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:


Điều 1. Quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Hà Giang theo phụ lục đính kèm.

Các nội dung không quy định tại Quyết định này thực hiện theo Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ Tài chính Hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường và quy định hiện hành khác có liên quan.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2018

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ TN&MT;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- T.Tr Tỉnh ủy;
- T.Tr HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Công báo Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, CV: KTN, KTTH(3). 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Sơn



PHỤ LỤC MỘT SỐ MỨC CHI SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Quyết định số 04/2018/QĐ-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi			Ghi chú
			Tỉnh	Huyện	Xã	
1	Lập nhiệm vụ, dự án					
a	Lập nhiệm vụ	Nhiệm vụ	800 - 1.600	600 - 1.200	300 - 600	
b	Lập dự án	Dự án	2.400 - 4.000	1.800 - 3.000		Cấp xã không thực hiện
2	Họp hội đồng xét duyệt dự án, nhiệm vụ (nếu có)	Buổi họp				Cấp xã chi áp dụng Hội đồng xét duyệt nhiệm vụ
a	Chủ tịch hội đồng	người/buổi	400	300	150	Không tính chi họp hội đồng đối với nhiệm vụ được giao thường xuyên hàng năm
b	Thành viên, Thư ký	người/buổi	250	150	90	
c	Đại biểu được mời tham dự	người/buổi	120	80	50	
d	Nhận xét đánh giá của Ủy viên phản biện	Bài viết	400	300	150	
đ	Nhận xét đánh giá của Ủy viên hội đồng	Bài viết	250	180	90	
3	Lấy ý kiến thẩm định dự án bằng văn bản của chuyên gia và nhà quản lý (tối đa không quá 5 bài viết)	Bài viết	400	300	150	Trường hợp không thành lập Hội đồng xét duyệt
4	Điều tra, khảo sát					
a	Lập mẫu phiếu điều tra	Mẫu phiếu được duyệt	400			
b	Chi cho đối tượng cung cấp thông tin					
	- Cá nhân	Phiếu	40			
	- Tổ chức	Phiếu	80			

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi			Ghi chú
			Tỉnh	Huyện	Xã	
c	Chi cho điều tra viên: Công quan trắc, khảo sát, lấy mẫu	người/ngày công	Mức tiền công 1 người/ngày tối đa không quá 200% mức lương cơ sở (22 ngày)			Chi áp dụng đối với trường hợp thuê ngoài
d	Chi cho người dẫn đường	người/ngày	80			Chi áp dụng cho vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn cần có người địa phương dẫn đường và phiên dịch cho điều tra viên
đ	Chi cho người phiên dịch tiếng dân tộc	người/ngày	150			
5	Báo cáo tổng kết dự án, nhiệm vụ:					
a	Nhiệm vụ	Báo cáo	4.000	3.000	1.500	Tùy theo tính chất, quy mô của dự án, nhiệm vụ
b	Dự án		8.000 - 12.000	6.000 - 9.000		
6	Hội đồng thẩm định: Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược; quy hoạch bảo vệ môi trường; Hội đồng thẩm định khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, theo quyết định của cấp có thẩm quyền (nếu có)					
a	Chủ tịch hội đồng	người/buổi	550	400		
b	Phó chủ tịch hội đồng (nếu có)	người/buổi	500	350		
c	Ủy viên, Thư ký hội đồng	người/buổi	250	180		
d	Đại biểu được mời tham dự	người/buổi	120	100		
đ	Bài nhận xét của Ủy viên phản biện	Bài viết	400	300		

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi			Ghi chú
			Tỉnh	Huyện	Xã	
d	Bài nhận xét của Ủy viên hội đồng (nếu có)	Bài viết	250	180		
g	Ý kiến nhận xét, đánh giá của chuyên gia, nhà quản lý đối với các báo cáo đã được chủ đầu tư hoàn thiện theo ý kiến của Hội đồng (số lượng nhận xét do cơ quan thẩm định quyết định nhưng không quá 03 bài viết)	Bài viết	300	250		
7	Hội thảo khoa học (nếu có)					
a	Người chủ trì		400	300		
b	Thư ký hội thảo	người/buổi hội thảo	250	180		
c	Đại biểu được mời tham dự		120	100		
d	Báo cáo tham luận	Bài viết	280	200		
8	Hội đồng nghiệm thu dự án, nhiệm vụ					
a	Nghiệm thu nhiệm vụ:					
	- Chủ tịch hội đồng	người/buổi	300	250	120	
	- Thành viên, thư ký		150	100	60	
b	Nghiệm thu dự án					
	- Chủ tịch hội đồng	người/buổi	550	400		
	- Thư ký hội đồng	người/buổi	300	250		
	- Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện	Bài viết	400	300		
	- Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng (nếu có)	Bài viết	300	250		

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi			Ghi chú
			Tỉnh	Huyện	Xã	
	- Đại biểu được mời tham dự	người/buổi	150	120		
9	Chi hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp huyện	Người/tháng		Mức chi hợp đồng lao động bằng 1,5 lần hệ số lương bậc 1 công chức loại A1 theo Nghị định số 204/2004 ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang nhân với mức lương cơ sở		
10	Chi giải thưởng bảo vệ môi trường do địa phương tổ chức					
a	Tổ chức		4.000-10.000	3.200-8.000	1.600-4.000	
b	Cá nhân		2.500-7.500	2.000-6.000	1.000-3.000	